

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2023/DS-PT

Ngày: 30-11-2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trường

Ông Nguyễn Văn Sơn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phùng Thị Mai- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2023/TLST-DS ngày 18/10/2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 76/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1970. Địa chỉ: **Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương**.

- **Bị đơn:** Ông **Trương Tất T**, sinh năm 1972 và bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1977. Địa chỉ: **Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương**.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông **Vũ Xuân K**, sinh năm 1964; Địa chỉ: **thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương**. **Có mặt**

- **Người làm chứng:** Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1986, địa chỉ: **thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương**.

Tại phiên tòa có mặt bà **N**, ông **T**, bà **P**, ông **K** và anh **C**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân

dân huyện T, tỉnh Hải Dương, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Trần Thị N** trình bày:*

Năm 2018, vợ chồng bà cho vợ chồng ông **Trương Tất T**, bà **Nguyễn Thị P** ở cùng thôn vay tổng số tiền là 540.000.000 đồng (*Năm trăm bốn mươi triệu đồng*), cụ thể: Ngày 20/3/2018 cho ông **T** bà **P** vay 400.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm đến ngày 20/03/2019; Ngày 15/8/2018 cho ông **T** bà **P** tiếp tục vay số tiền 140.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, đến ngày 15/8/2019 phải trả. Khi vay, ông **T** bà **P** nói mục đích vay để làm ăn. Cả hai lần vay tiền đều được lập thành văn bản là giấy biên nhận vay tiền mặt có chữ ký, điểm chỉ của ông **T** và bà **P**. Lãi suất do hai bên thỏa thuận (không ghi vào giấy biên nhận), cụ thể bà chỉ tính lãi suất là 1,5%/tháng. Do ông **T** bà **P** vay số tiền lớn, nên ngày 20/3/2018 hai bên lập một Hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở, ông **T** bà **P** đưa sổ đỏ cho vợ chồng bà làm tin, sổ đỏ này mang tên ông **Nguyễn Tất T1** (anh trai ông **Trương Tất T**). Ngày 20/9/2018, ông **T** đến nhà bà mượn lại sổ đỏ này để mang về làm thủ tục thừa kế, sang tên để vay Ngân hàng trả nợ vợ chồng bà số tiền gốc là 540 triệu đồng. Vợ chồng bà tin tưởng nên đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **T**, hai bên lập giấy thỏa thuận nội dung trên do chính tay ông **T** viết, có sự chứng kiến của anh **Nguyễn Văn C**. Sau đó nhiều lần bà đôn đốc việc trả nợ, nhưng ông **T** bà **P** vẫn không thanh toán trả tiền gốc và tiền lãi cho bà.

Bà **N** khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết buộc ông **T**, bà **P** phải trả bà số tiền tổng hai lần vay là 540.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Vũ Xuân K** (chồng bà **N**) nhất trí với ý kiến của bà **N**.*

** Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông **Trương Tất T** và bà **Nguyễn Thị P** trình bày:*

Ông bà xác định có vay của bà **N** 400 triệu đồng nợ gốc theo giấy biên nhận vay tiền mặt ngày 20/3/2018 là đúng. Còn số tiền 140 triệu đồng trong giấy biên nhận vay tiền mặt ngày 15/8/2018 là tiền lãi, nhưng bà **N** bắt ông ghi vào giấy là nợ gốc và ép ông **T** phải ký vào văn bản cùng với anh **C** để mượn bìa đỏ về làm thủ tục sang tên vay Ngân hàng. Sau đó anh **C** bán đất của bên nhà vợ ông ở **Đ - Quảng Ninh** là 780 triệu, anh **C** đưa cho bà **N** khoảng 230 triệu đến 250 triệu để trả vào tiền nợ gốc 400 triệu cho bà **N**, nhưng không thông báo với vợ chồng ông. Trước đây, mỗi lần đến vay tiền, bà **N** đều tính lãi suất cho vay là 3000đ (ba nghìn đồng)/1 triệu/1 ngày, khi vay tiền ông **T** là người trực tiếp viết giấy biên nhận ghi nội dung số tiền vay, viết cả phần lãi suất thỏa thuận trong các giấy biên nhận vay tiền mặt. Đến nay ông bà xác

định chỉ còn nợ bà **N** 150 triệu tiền gốc, chứ không phải là 540 triệu như bà **N** khởi kiện.

Tại phiên toà ngày 29/11/2022, ông **T** bà **P** giao nộp cho Toà án bản gốc 09 tờ giấy biên nhận vay tiền, trong đó có một giấy biên nhận vay tiền mặt ngày 07/01/2018 có ghi tại mục "với lãi suất hai bên thỏa thuận" là 3.000đ/1 triệu/1 ngày, có chữ ký của người cho vay là bà **Trần Thị N**. Ông **T**, bà **P** đề nghị Toà án xem xét việc bà **N** có hành vi cho vay lãi nặng.

Bà N xác định: chữ ký "**Trần Thị N**" trong giấy biên nhận vay tiền mặt ngày 07/01/2018 do ông **T** giao nộp đúng là chữ ký của bà. Tuy nhiên, nội dung lãi suất ghi "3.000đ/1 triệu một ngày" trong giấy là không đúng. Bà không tính lãi như vậy. Thời gian đó ông **T** có vay tiền bà, sau khi ông **T** trả khoản tiền vay thì bà trả lại giấy biên nhận cho ông **T**, sau đó ông **T** đã tự ý ghi thêm nội dung lãi suất này vào mục "lãi suất hai bên thỏa thuận" để vu khống tội cho bà, thực tế bà không thỏa thuận lãi suất này với ông **T**. Đồng thời, bà cũng không nhận được khoản tiền lãi nào của vợ chồng ông **T**.

*Người làm chứng anh **Nguyễn Văn C** trình bày:*

Anh xác định ngày 20/9/2018 có chứng kiến việc ông **T** đến nhà bà **N** xin lại sổ đỏ để mang về làm thủ tục thừa kế, sang tên vay Ngân hàng trả nợ vợ chồng bà **N** là đúng, đồng thời cùng ngày hôm đó, ông **T** đã viết giấy mượn sổ đỏ với nhà bà **N**, toàn bộ nội dung ghi trong giấy là do chính tay ông **T** viết.

Năm 2018, bố mẹ bà **P** có nhu cầu bán thửa đất ở **Đ - Quảng Ninh**, nên ông **T** nói chuyện để anh mua giúp thửa đất trên, anh đồng ý mua. Sau khi nhận chuyển nhượng đất của bố mẹ bà **P**, anh có cho bà **N** vay số tiền 240 triệu đồng. Việc anh cho bà **N** vay tiền là việc riêng cá nhân giữa anh và bà **N**, không phải là anh trả tiền nợ thay cho ông **T** bà **P**.

Do bị đơn ông **T** bà **P** giao nộp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên toà nên ngày 29/11/2022, Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên toà và gửi công văn số 195/2022/CV-TA ngày 28/12/2022 cùng các tài liệu, chứng cứ chuyển sang Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện T** để xem xét có dấu hiệu của tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự hay không.

Ngày 24/7/2023, Toà án nhân dân huyện T nhận được Công văn số 333/CV-CSĐT ngày 24/7/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện T** trả lời kết quả xác minh vụ việc không có dấu hiệu của tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Ngày 08/8/2023, bà **N** có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là rút yêu cầu buộc ông **T** bà **P** phải thanh toán tiền lãi theo quy định pháp luật.

Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết Hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở lập ngày 20/3/2018.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 09/8/2023, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương: Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N về việc yêu cầu ông T, bà P phải trả số tiền nợ gốc 540.000.000 đồng.

Buộc ông Trương Tất T và bà Nguyễn Thị P phải trả cho bà Trần Thị N, ông Vũ Xuân K số tiền nợ gốc 540.000.000 đồng (Năm trăm bốn mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về khoản lãi đối với khoản tiền chậm trả, thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/8/2023, bị đơn ông Trương Tất T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 14 ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương đề nghị tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Trương Tất T xác định vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm và cho rằng tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận tài liệu chứng cứ bị đơn cung cấp và chỉ chấp nhận tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp là hợp lệ.

Nguyên đơn đề nghị HĐXX bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự tham gia phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng; về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Tất T và giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Hội đồng xét xử căn cứ Điều 273 BLTTDS xác định kháng cáo của ông Trương Tất T là hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông **Trương Tất T**:

[2.1] Về nội dung: Ngày 20/3/2018, bà **N** ông **K** cho ông **T** bà **P** vay số tiền 400 triệu đồng, có giấy biên nhận vay tiền, có chữ ký điểm chỉ của người vay tiền, ông **T** bà **P** thừa nhận đây là khoản tiền nợ gốc.

Đối với khoản tiền vay 140.000.000 đồng tại giấy biên nhận vay tiền mặt ngày 15/8/2018, ông **T** bà **P** xác định đây là khoản tiền nợ lãi chứ không phải là nợ gốc như bà **N** khởi kiện. Xét thấy, giấy biên nhận vay tiền mặt ngày 15/8/2018 thể hiện nội dung vợ chồng ông **T** bà **P** vay của ông **K**, bà **N** số tiền 140 triệu đồng, thời hạn vay kể từ ngày 15/8/2018 đến ngày 15/9/2019 và có ghi nội dung cam kết trả nợ gốc lẫn lãi vào đúng thời hạn. Giấy biên nhận có chữ ký và điểm chỉ của người nhận tiền là ông **T** bà **P**.

Việc xác định số tiền nợ 540.000.000đ còn được thể hiện tại giấy viết tay do chính ông **T** viết vào ngày 20/9/2018. Ông **T**, bà **P** xác định chữ ký và điểm chỉ của mình trong giấy biên nhận vay tiền là đúng. Theo giấy viết tay, ông **T** đã tự mình thừa nhận số tiền gốc là 540 triệu đồng. Ông **T** bà **P** không giao nộp được căn cứ, tài liệu nào để chứng minh việc ông **T** bị ép ký 140 triệu tiền lãi thành nợ gốc. Mặt khác, việc ông **T** tự tay viết giấy mượn lại sổ đỏ để về làm thủ tục thừa kế, sang tên để vay Ngân hàng trả nợ ông **K** số tiền gốc 540 triệu đồng có sự chứng kiến của anh **Nguyễn Văn C**. Anh **C** xác định anh cho bà **Trần Thị N** vay tiền là việc cá nhân giữa anh và bà **N**, không phải là trả tiền cho ông **T** bà **P**. Nội dung này đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện T** xác minh làm rõ. Do đó, hội đồng xét xử không có căn cứ chấp lời khai của bị đơn về việc bị vợ chồng bà **N** ép phải ký vào văn bản cùng với anh **C** để mượn bì sổ đỏ về làm thủ tục sang tên vay Ngân hàng, sau đó anh **C** bán đất của vợ chồng ông ở **D - Quảng Ninh** là 780 triệu, anh **C** đưa cho bà **N** khoảng 230 -250 triệu để trả vào tiền nợ gốc 400 triệu cho bà **N**. Việc vợ chồng ông **T** xác định chỉ còn nợ bà **N** 150 triệu tiền gốc là không có căn cứ. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **N**, buộc ông **T** bà **P** phải trả số tiền nợ gốc 540 triệu đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

[2.2]. Quá trình giải quyết tại toà án cấp sơ thẩm, ông **T** bà **P** xuất trình bản chính 09 tờ giấy biên nhận vay tiền mặt, trong đó có 01 giấy biên nhận vay tiền mặt ghi ngày 07/01/2018, tại mục "Lãi suất hai bên thoả thuận" ghi nội dung là 3.000đ/1 triệu một ngày, có chữ ký của người cho vay bà **Trần Thị N** và người nhận tiền ông **Trương Tất T**, bà **Nguyễn Thị P**. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 09/8/2023, ông **T** đã thừa nhận việc ông ghi thêm nội dung lãi suất 3000đ/1 triệu một ngày vào giấy biên nhận sau khi ông mang giấy về nhà. Tại Công văn số 333/CV-CSĐT ngày 24/7/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện T** trả lời kết quả xác minh nội dung vụ việc như sau: Xác định vụ việc không có dấu hiệu của tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do đó, ông **T** bà **P** đề nghị xem xét việc bà **N** cho vay với lãi suất 3.000đ/1 triệu một ngày là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Đối với việc rút yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc 540 triệu đồng của

nguyên đơn bà **Trần Thị N**: Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết yêu cầu tính lãi của bà **Trần Thị N** là phù hợp.

[2.4]. Các đương sự đều không yêu cầu xem xét giải quyết Hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở lập ngày 20/3/2018 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông **T**.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà **N** được chấp nhận nên ông **T** và bà **P** phải chịu án phí sơ thẩm là phù hợp pháp luật. Kháng cáo của ông **T** không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông **Trương Tất T** đối với bản án sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 09/8/2023, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 09/8/2023, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương.

3. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Ông **Trương Tất T** phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 30/11/2023./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Tuấn

